

Bản án số: 152/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Long

Bà Lê Thị Minh Khánh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2023/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2023/QĐ-ST ngày 15/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 19/5/1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 22, đường A, tổ P, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Triệu Văn Đ, sinh ngày 09/9/1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 22, đường A, tổ P, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Anh Đ ủy quyền cho chị Chu Thị P, sinh ngày 19/8/1980; Địa chỉ: thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang giao nhận các tài liệu với Tòa án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh Đ được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 06/12/2016 tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Bg, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận tại Bắc Giang. Tuy nhiên, đến khoảng tháng 5/2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Kể từ đó anh Đ và chị

sống ly thân nhau, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến nhau. Khoảng cuối năm 2022 anh Đ thông báo cho chị biết anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Trong thời gian thuận vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên B vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 12/2022 đến nay chị và anh Đ không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Triệu Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Triệu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 31/10/2017. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Triệu Văn Đ là bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về quá trình đi đến hôn nhân, thời gian kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng giống như chị N trình bày. Nay anh và chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vì vậy, anh cũng đồng ý ly hôn của chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là cháu Triệu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 31/10/2017. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị N. Do anh đi lao động tại nước ngoài không có điều kiện chăm sóc con được nên sau khi ly hôn anh đề nghị giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh Đ trình bày: Do bận công việc nên anh đề nghị vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập, vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tất cả các phiên xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở ra. Anh ủy quyền cho chị Chu Thị P, sinh ngày 19/8/1980; Địa chỉ: thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang giao nhận các tài liệu với Tòa án.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị N, anh Triệu Văn Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Thị N; anh Triệu Văn Đ và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều có

đơn xin xét xử vắng mặt, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Triệu Văn Đ.

Về nuôi con chung: Do anh Đ hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Triệu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 31/10/2017 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản, công nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu do anh Đ gửi từ nước ngoài về Việt Nam do chị Chu Thị P là người được ủy quyền nộp các văn bản tố tụng thay anh Đ: Gồm Bản tự khai, Giấy ủy quyền đề ngày 01/6/2023 có chữ ký “Đ” và chữ viết “Triệu Văn Đ” và có điểm chỉ ngón trỏ phải và ngón trỏ trái, đơn không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tại nước ngoài. Xét thấy việc trưng cầu giám định chữ ký, viết, dấu vân tay của anh Đ trong các tài liệu trên là cần thiết để giải quyết vụ án. Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định số: 226/2023/QĐ-TCGD ngày 06/6/2023 gửi phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bắc Giang. Tại kết luận giám định số 1090/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang ngày 15/6/2023 đã kết luận:

- Dấu vân tay màu đỏ in tại mục số 02 trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A2) so với dấu vân tay in tại ô “Trỏ trái” trên bản sao Chỉ bản số 122423972, mang tên Triệu Văn Đ, sinh ngày 09/9/1991; nơi ĐKKHTT: phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Ký hiệu M) do Phòng cảnh sát QLHC về TTXH - Công an tỉnh Bắc Giang cung cấp là của cùng một người.

- Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết có nội dung “Đ-Triệu Văn Đ” tại mục “Bên ủy quyền” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết có cùng nội dung tại mục “Người khai” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) là do cùng một người ký, viết ra.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định anh Triệu Văn Đ là người ký trong Bản tự khai, Giấy ủy quyền gửi đến Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu này để giải quyết vụ án.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Văn Đ và giải quyết nuôi con chung. Anh Đ hiện đang lao động nước ngoài không rõ địa chỉ. Theo Công văn trả lời số: 13068/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 30/5/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh-Bộ công an cung cấp, anh Triệu Văn Đ, sinh ngày 09/9/1991, đã xuất cảnh ngày 26/10/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vụ án có bị đơn là anh Triệu Văn Đ được xác định đang cư trú, làm việc tại nước ngoài. Mặt khác, anh Đ là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị N và bị đơn là anh Đ đều xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N, anh Đ.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Triệu Văn Đ, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 06/12/2016 tại Ủy ban nhân dân phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật B vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị N, anh Đ phát sinh mâu thuẫn, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Đ.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N với anh Đ. Hội đồng xét xử thấy chị N, anh Đ đều xác định kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian. Tuy nhiên, đến tháng 5/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù anh, chị đã nhiều lần chủ động nói chuyện nhằm hàn gắn tình cảm nhưng đến nay anh, chị đều xác định tình cảm không còn, từ tháng 12/2022 chị N và anh Đ không còn liên lạc với nhau. Chị N đề nghị được ly hôn anh Đ, anh Đ có bản tự khai trình bày đồng ý ly hôn với chị N và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng chị N, anh Đ không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh Đ, xử cho chị N được ly hôn anh Đ là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 53 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung: Chị N và anh Đ có 01 con chung là cháu Triệu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 31/10/2017. Sau ly hôn chị N đề nghị giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con chung sau ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử thấy: Từ khi sinh ra đến nay cháu B vẫn do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu vẫn phát triển bình thường. Anh Đ hiện đang lao động tại nước ngoài nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Mặt khác, tại bản tự khai anh Đ trình bày anh đề nghị giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì hiện nay anh đang lao động ở nước ngoài không có điều kiện chăm sóc con. Do đó, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ và phù hợp với điều kiện thực tế và đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn anh Triệu Văn Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp anh Triệu Văn Đ về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N, anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản, công nợ: Chị N, anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về chi phí giám định: Do Bị đơn anh Đ tự chi trả và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước, nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Triệu Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài, nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Triệu Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Triệu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 31/10/2017 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh Triệu Văn Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005378 ngày 26/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Triệu Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

